

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/8/2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp PT, xã PA, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PT, xã PA, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PA, huyện (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình

Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 25/11/2005. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về suy nghĩ. Ngoài ra, ông L còn lười biếng không chịu đi tìm việc làm để phụ giúp gia đình, ngược lại còn cờ bạc rượu chè và có hành vi bạo lực gia đình. Gia đình hai bên có khuyên can, hoà giải nhưng không đạt được kết quả, nhiều lần bà H cố gắng nhường nhịn để chung sống hòa hợp nhưng chỉ là hình thức, gượng ép và không làm thay đổi được bản chất sống của ông L.

Trước đây, bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông L nhưng sau đó ông L năn nỉ, hứa sửa đổi bản thân nên bà H rút đơn, cho ông cơ hội nhưng ông L vẫn không thay đổi.

Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Huỳnh Hồng T, sinh ngày 07/12/2006 và Nguyễn Huỳnh TL, sinh ngày 31/9/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh L:* Ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thời gian mở phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông L không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú tại Ấp PT, xã PA, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bị đơn ông L vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ, không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như ông L từ chối quyền tự bảo vệ của mình và chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai giao nộp và tiếp cận chứng cứ ngày 12/7/2024, gửi kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, ngoài chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của bà H, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà H và bị đơn ông L trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PA, huyện (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 25/11/2005. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông L là hôn nhân hợp pháp.

Bà H trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính nhau, bất đồng về suy nghĩ, ông L lười biếng không chịu đi làm, ngược lại còn cờ bạc rượu chè và có hành vi bạo lực gia đình, gia đình hai bên có khuyên can nhưng không đạt được kết quả. Nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng chỉ là hình thức,

gượng ép và không hạnh phúc.

Xét thấy, để có căn cứ xác định lời trình bày của bà H về trình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú và sinh sống của bà H và ông L, địa phương xác định trình trạng và nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ, vì khi xảy ra mâu thuẫn cả hai không báo địa phương để tổ chức hòa giải. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông L để làm rõ lời trình bày của bà H và tổ chức hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông L không tham gia, không gửi ý kiến trình bày, vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình của ông L.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### [2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hồng T, sinh ngày 07/12/2006 và Nguyễn Huỳnh TL, sinh ngày 31/8/2012. Bà H yêu cầu, khi ly hôn bà H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu.

Xét thấy, 02 cháu Nguyễn Huỳnh Hồng T, sinh ngày 07/12/2006 và Nguyễn Huỳnh TL, sinh ngày 31/9/2012 có nguyện được sống với bà H, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà H và ông L cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, cần chấp nhận cho bà H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh L về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Thanh L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 90 do Ủy ban nhân dân xã PA, huyện (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/11/2005 cho bà Huỳnh Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 cháu tên: Nguyễn Huỳnh Hồng T, sinh ngày 07/12/2006 và Nguyễn Huỳnh TL, sinh ngày 31/9/2012 cho bà Huỳnh Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Nguyễn Thanh L thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số 0000671 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành

án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- UBND xã PA, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kiều Oanh**